

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đại;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Thuận;

Bà Vương Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2025/TLST- HNGĐ ngày 20/5/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thanh Phương T**, sinh năm 1991.

Căn cước công dân số: 075191011575.

Nơi đăng ký thường trú (chỗ ở): Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Phạm Chu Quang T1**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết

hôn số 04 ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do có bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và to tiếng xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nên không còn quan tâm, chăm sóc nhau tới nhau, chỉ tiêu trong gia đình tách bạch. Mâu thuẫn của chị T và anh T1 đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị T cương quyết xin ly hôn với anh T1; Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Nguyễn Nhân T2, sinh ngày 02/4/2023. Kể từ khi chị T và anh T1 sống ly thân, con chung sống cùng chị T. Nay chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị T cam kết vợ chồng không có nợ chung.

2. Trong bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Anh T1 xác nhận nội dung đơn khởi kiện và lời khai của chị T về thời gian kết hôn, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung và mâu thuẫn của vợ chồng là hoàn toàn đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng anh có bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Chị T thường xuyên gây sự cãi nhau với anh, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành dẫn tới quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay anh T1 đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là là Phạm Nguyễn Nhân T2, sinh ngày 02/4/2023. Anh T1 đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Sau khi nghe chủ tọa công bố lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát huyện Đ:

- Tòa án nhân dân huyện Định Quán thụ lý và xác định quan hệ pháp luật đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thanh Phương T; Bị đơn là anh Phạm Chu Quang T1.

- Chị Nguyễn Thanh Phương T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Phạm Chu Quang T1. Bị đơn anh Phạm Chu Quang T1 cư trú tại Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Phương T và bị đơn anh Phạm Chu Quang T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ tỉnh Đồng Nai cấp Giấy nhận kết hôn số 04 ngày 10 tháng 01 năm 2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do có bất đồng về quan điểm sống và cách sống. Nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, to tiếng xúc phạm nhau. Giữa chị T và anh T1 không có tiếng nói chung, đã sống ly thân, mạnh ai lấy sống nên không còn quan tâm, chăm sóc nhau tới nhau, chỉ tiêu trong gia đình tách bạch. Mâu thuẫn của chị T và anh T1 đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn, anh T1 đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên là: Phạm Nguyễn Nhân T2, sinh ngày 02/4/2023. Kể từ khi chị T và anh T1 sống ly thân, con chung sống cùng chị T. Nay, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, anh T1 đồng ý đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Phạm Nguyễn Nhân T2 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Việc chị T nhận trực tiếp nuôi con là phù hợp. Để ổn định tâm lý, sinh hoạt và quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử giao trẻ tên Phạm Nguyễn Nhân T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng cho con, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh M có ý kiến nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có, anh T1 không có ý kiến nên không đặt

ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thanh Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh Phương T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh Phương T được ly hôn với anh Phạm Chu Quang T1.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Phạm Nguyễn Nhân T2, sinh ngày 02/4/2023 cho chị Nguyễn Thanh Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, cũng như không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không giải quyết do đương sự khai không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh Phương T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên thu số 0011831 ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại Chi Cự hành án dân sự huyện Đ. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thián dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thihành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- CCTHADS H. Định Quán;
- VKSND H. Định Quán;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường, thị trấn) nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu HS vụ án; VP.

Lê Văn Đại

--